

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST

Ngày: 21/9/2020

V/v Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên Công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với Công ty

NHÂN DẠH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hưng.

Ông Nguyễn Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên Công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với Công ty*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị D, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ; địa chỉ liên hệ: Số 182/2C đường T, phường B, quận H, thành phố Đ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phan Văn N, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 182/2C đường T, phường B, quận H, thành phố Đ. (theo Giấy ủy quyền lập ngày 08/5/2020). (Có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Số 174 đường T, phường B, quận H, thành phố Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Anh D – Chức vụ: Tổng giám đốc. (Vắng mặt không có lý do).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Công A, sinh năm 1988; Nơi ĐKKTT: Thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ; địa chỉ liên hệ: Số 182/2C đường T, phường B, quận H, thành phố Đ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Công A:* Ông Phan Văn N, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 182/2C đường T, phường B, quận H, thành phố Đ. (theo Giấy ủy quyền lập ngày 08/5/2020). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Đại diện nguyên đơn bà Đặng Thị D là ông Phan Văn N trình bày:* Ngày 20/12/2017, Công ty Cổ phần S đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ giai đoạn 1-2017 với các nội dung cụ thể như sau:

Tổng số cổ phần phát hành : 300.000 cổ phần.

Loại cổ phần phát hành : Phổ thông.

Mệnh giá cổ phần phát hành : 100.000đ/cổ phần.

Tổng giá trị cổ phần phát hành : 30.000.000.000đ.

Trong đó:

Cổ phần thưởng : 96.948 cổ phần, giá trị 9.694.800.000đ.

Cổ phần bán cho cổ đông : 203.052 cổ phần, giá trị 20.305.200.000đ.

Thời gian thực hiện : từ 21-12-2017 đến 30-12-2017.

Ông Phan Công A có số cổ phần được ưu tiên mua trong đợt này là 14 cổ phần tương ứng với 1.400.000 đồng (theo dAh sách cổ đông mua cổ phần). Căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 124 về chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Luật Doanh nghiệp năm 2014, ông Phan Công A đã chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của ông cho bà Đặng Thị D. Các bên đã viết giấy chuyển nhượng. Bà D đã cung cấp bản sao chứng minh nhân dân, ký nhận chuyển nhượng quyền ưu tiên mua cổ phần từ ông A và được ông Phan Anh D (Phó Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần S) chấp thuận, ký duyệt đồng thời lập phiếu thu và bà D đã nộp tiền đầy đủ theo quy định, cụ thể: tại Phiếu thu tiền mặt số 388 do Công ty Cổ phần S lập ngày 27/12/2017, số tiền 1.400.000đ, tương ứng 14 cổ phần.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 124 Luật Doanh nghiệp năm 2014 về cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông kể từ ngày đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty. Căn cứ vào khoản 5 Điều 124 có quy định sau khi mua cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Nhưng đến nay Công ty Cổ phần S không công nhận việc chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của bà Đặng Thị D. Từ đó không cấp sổ chứng nhận cổ phần cho bà D.

Nay bà Đặng Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Công nhận quyền sở hữu 14 cổ phần của bà Đặng Thị D tại Công ty Cổ phần S (có nguồn gốc từ việc nhận chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần từ ông Phan Công A và được thanh toán theo Phiếu thu tiền mặt số 388 do Công ty Cổ phần S lập ngày 27/12/2017).

- Công ty Cổ phần S phải phát hành và trao cổ phiếu cho bà Đặng Thị D. Trường hợp không trao cổ phiếu thì các thông tin về cổ đông Đặng Thị D phải được ghi vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty Cổ phần S để chứng thực quyền sở hữu 14 cổ phần của bà Đặng Thị D, kể từ ngày nộp tiền theo Phiếu thu tiền mặt số 388 lập ngày 27/12/2017.

Đối với bị đơn Công ty Cổ phần S quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng luôn vắng mặt, không có lời khai, văn bản trình bày trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tố tụng dân sự giữa các bên đương sự trong vụ án là tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên Công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với Công ty, theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, theo điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn là Công ty Cổ phần S có địa chỉ trụ sở tại số 174 đường T, quận H, thành phố Đ nên Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đối với tranh chấp này theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Đại diện bị đơn là Công ty Cổ phần S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như tham gia tố tụng tại các phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của Công ty Cổ phần S trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm được coi là từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, quyền tranh tụng, quyền cung cấp chứng cứ và chứng minh. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa theo thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Ông Phan Công A là cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần S, mã số cổ đông STC112. Theo tài liệu là Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông Phan Công A do Công ty Cổ phần S lập ngày 22 tháng 5 năm 2017 thì tính đến ngày 20 tháng 12 năm 2017, Ông A sở hữu 26 cổ phần, toàn bộ đều là cổ phần phổ thông, không thuộc trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần S sửa đổi ngày 28 tháng 3 năm 2015.

[4] Ngày 20/12/2017, Công ty Cổ phần S tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường và đã thông qua Đề án tăng vốn điều lệ, Phương án bán cổ phần giai đoạn 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần S, với các nội dung cụ thể như sau:

“Điều 1: Thông qua “Đề án tăng vốn điều lệ của Công ty Seatecco giai đoạn 2017 đến năm 2021” do Hội đồng quản trị đã trình tại Đại hội cổ đông bất thường ngày 20/12/2017 với các nội dung cụ thể sau:

A. Giai đoạn 1:

- Thời gian thực hiện : Tháng 12 năm 2017.
- Số vốn đề nghị tăng thêm : 30.000.000.000 đồng.
- Nguồn huy động vốn : Phát hành thêm cổ phần.

...

Điều 2: Thông qua “Phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ Công ty Seatecco giai đoạn I-năm 2017” do Hội đồng quản trị đã trình tại Đại hội cổ đông bất thường ngày 20/12/2017 với các nội dung cụ thể như sau:

- Tổng số cổ phần phát hành : 300.000 cổ phần.
- Loại cổ phần phát hành : Phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần phát hành : 100.000 đ/cổ phần.
- Tổng giá trị cổ phần phát hành : 30.000.000.000đ.
- Thời gian thực hiện : từ ngày 21/12/2017 đến ngày 30/12/2017.

Đại hội giao cho Hội đồng quản trị, BA Giám đốc làm các thủ tục đăng ký để điều chỉnh vốn điều lệ Công ty đúng theo quy định.

[5] Theo mục B của Biên bản Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20/12/2017 của Công ty Cổ phần S có nội dung chi tiết về kế hoạch và phương án tăng vốn Điều lệ thì danh sách cổ đông được quyền mua thêm cổ phần và danh sách cổ đông để thưởng cổ phần đều được chốt theo danh sách cổ đông mời tham dự Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 12 năm 2017. Như vậy, việc Công ty Cổ phần S tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn

bộ số cổ phần đó cho tất cả các cổ đông theo tỉ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty được xem là chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 122 và khoản 1 Điều 124 Luật Doanh nghiệp.

[6] Ở lần phát hành cổ phần này, ông Phan Công A có số cổ phần được quyền ưu tiên mua là 14 cổ phần tương ứng với 1.400.000 đồng (danh sách cổ đông có quyền mua cổ phần được bán cổ phần giai đoạn 1 năm 2017 Công ty Cổ phần S kèm theo phương án bán cổ phần giai đoạn 1 năm 2017). Quá trình Công ty S thực hiện phương án bán cổ phần theo Nghị quyết Đại hội nêu trên, ông Phan Công A có thỏa thuận chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho bà Đặng Thị D. Bà D không phải là cổ đông hiện hữu của Công ty. Hai bên đã xác lập giao dịch chuyển nhượng quyền ưu tiên mua cổ phần từ ông A sang bà D. Bà D đã cung cấp bản sao chứng minh nhân dân cho Công ty; đồng thời Công ty đã thu tiền thanh toán mua cổ phần đối với bà Đặng Thị D số tiền 1.400.000đ, tương ứng 14 cổ phần, theo Phiếu thu tiền mặt số 388 ngày 27/12/2017. Theo quy định tại điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 124 của Luật Doanh nghiệp, việc chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần từ ông A sang bà D là hoàn toàn hợp pháp.

[7] Như vậy, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 124 Luật Doanh nghiệp thì ông A có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần sang bà D. Thực tế các bên đã thực hiện và thừa nhận nội dung chuyển quyền ưu tiên mua. Bà D đã thanh toán đủ số tiền mua mỗi cổ đông là 14 cổ phần, theo Phiếu thu tiền mặt số 388 ngày 27/12/2017 của Công ty Cổ phần S. Công ty Cổ phần S phải có trách nhiệm phát hành và trao cổ phiếu cho bà D; nếu không trao cổ phiếu thì các thông tin về cổ đông phải được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu mỗi cổ đông là 14 cổ phần, có nguồn gốc nhận chuyển quyền ưu tiên mua trong Công ty; theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 124 Luật Doanh nghiệp và các khoản 3, 4 Điều 15 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần S sửa đổi ngày 28 tháng 3 năm 2015.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D đối với Công ty Cổ phần S.

[9] Về ý kiến của Đại D Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sở hữu 14 cổ phần của bà Đặng Thị D tại Công ty Cổ phần S là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[10] Án phí KDTM-ST: Công ty Cổ phần S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 2 Điều 122 và Điều 124 Luật Doanh nghiệp;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D đối với Công ty Cổ phần S.

2. Công nhận quyền sở hữu 14 cổ phần của bà Đặng Thị D tại Công ty Cổ phần S (có nguồn gốc từ việc nhận chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần từ ông Phan Công A và được thanh toán theo Phiếu thu tiền mặt số 388 do Công ty Cổ phần S lập ngày 27/12/2017).

Công ty Cổ phần S phải phát hành và trao cổ phiếu cho bà Đặng Thị D. Trường hợp không trao cổ phiếu thì các thông tin về cổ đông Đặng Thị D phải được ghi vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty Cổ phần S để chứng thực quyền sở hữu 14 cổ phần của bà Đặng Thị D.

3. Án phí KDTM-ST: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) Công ty Cổ phần S phải chịu. Hoàn trả cho bà Đặng Thị D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là

3.000.000 đồng, tại Biên lai thu số 0002622 ngày 02/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé